TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:188 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2018
V/v: "Ly hôn giữa anh D và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tố
2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chánh Thân- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số:111/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tường D, sinh năm 1982

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khối X, thị trấn TQ, huyện H Nh, tỉnh BĐ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn CLĐ, xã TQN, huyện H Nh, tỉnh BĐ

2. Chị Ngô Thị Ng, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn AQN, xã HCh, huyện H Nh, tỉnh BĐ

3. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khối X, thị trấn TQ, huyện H Nh, tỉnh BĐ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2018, các tài liệu tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Tường Duy trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tường D và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu yêu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tam Quan, Hoài Nhơn, Bình Định vào ngày 07/9/2009. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay anh D yêu cầu ly hôn chị H vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phương Y, sinh ngày 15/01/2010. Ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2018 và tại phiên tòa hôm nay: Chị H thống nhất như ý kiến của anh D về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên nay anh D yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý.

- Về nuôi con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con chung vì con hiện đang ở với chị. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có nợ của bà Nguyễn Thị H 45.000.000đồng(bốn mươi lăm triệu đồng), nợ chị Ngô Thị Ng 25.000.000đồng(hai mươi lăm triệu đồng) và 01 chỉ vàng SJC; nợ chị Nguyễn Thị Thanh Th 100.000.000đồng(một trăm triệu đồng). Nay vợ chồng ly hôn, yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả nợ chung với chị H.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào ngày 16/3/2015, vợ chồng D- H có mượn của bà 45.000.000đồng(bốn mươi lăm triệu đồng), nay vợ chồng ly hôn, yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền 40.000.000 đồng(bốn mươi triệu đồng), bà cho vợ chồng anh D, chị H 5.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu trả lãi suất.

- Chị Ngô Thị Ng trình bày: Vào ngày 16/9/2014, vợ chồng D- H có mượn của chị 25.000.000đồng(hai mươi lăm triệu đồng) và 01 chỉ vàng SJC. Nay vợ chồng ly hôn, yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị. Chị Ng chỉ yêu cầu anh D, chị H trả 25.000.000 đồng, không yêu cầu trả 01 chỉ vàng SJC và không yêu cầu lãi suất.

- Chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Trong năm 2014, vợ chồng D- H nhiều lần mượn tiền của chị, tổng cộng số tiền mượn là 100.000.000đồng(một trăm

triệu đồng). Chị đòi nhiều lần nhưng vợ chồng D - H không chịu trả. Nay vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu vợ chồng D-H cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị. Chị không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tường D và chị Nguyễn Thị Thu H đi đến hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết kết hôn tại UBND thị trấn Tam Quan, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng, không còn thương yêu nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh D yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh D và chị H.

[2] Về nuôi con chung: Anh D và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Y, sinh ngày 15/01/2010 hiện đang ở với chị H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2018, cháu Y muốn được ở với mẹ. Đồng thời, xét thấy cháu Y còn nhỏ, cần nhận được quan tâm chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Y cho chị H nuôi là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[3]Về chia tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu nên Tòa không xét.

[4] Về nợ chung: Anh D khai, vợ chồng không có nợ chung. Tuy nhiên, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm bà Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị, chị Nguyễn Thị Thanh Th đều xuất trình chứng cứ là giấy mượn tiền có chữ ký của anh D và chị H. Chị H nhận nợ và yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả nợ chung. Anh D thừa nhận có ký vào giấy mượn tiền với chị Hạ nhưng anh cho rằng đó là lúc vợ chồng còn thuận thảo, chị H và anh cùng ký mượn tiền để giúp mẹ chị H đáo hạn Ngân hàng, do đó, việc trả nợ thuộc trách nhiệm của chị H, anh không liên quan và không đồng ý cùng chị H trả nợ.

Xem xét chứng cứ các bên cung cấp và trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc mượn tiền và cho mượn tiền xuất phát từ sự tự nguyện của hai bên thể hiện bằng việc cùng nhau ký vào giấy mượn tiền, đó là bằng chứng về việc cam kết trả nợ sau này. Đồng thời, sự việc xảy ra trong thời kỳ hôn nhân, chứng tỏ sự đồng thuận của vợ chồng anh, chị. Đây là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình. Như vậy, thực tế số nợ chung của anh D, chị H trong thời kỳ hôn nhân là: Nợ chị Ng

25.000.000 đồng + 01 chỉ vàng SJC; nợ bà H 45.000.000 đồng; nợ chị Th100.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà H chỉ yêu cầu anh D, chị H trả số tiền 40.000.000 đồng; chị Ng yêu cầu anh D, chị H trả số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu trả 01 chỉ vàng SJC. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H, chị Ng, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người liên quan có yêu cầu độc lập. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc anh D, chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H 40.000.000đồng(bốn mươi triệu đồng), trả cho chị Ng 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), trả cho chị Th 100.000.000đồng(một trăm triệu đồng).

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh D nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh D, chị H nộp theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị Ng, chị Nguyễn Thị Thanh Th theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn phát biểu: Đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh D, chị H. Về con chung giao cho chị H nuôi dưỡng, về tài sản chung không xét, về các khoản nợ chung: đề nghị buộc anh D, chị H phải trả chung cho bà H, chị Ng, chị Th các khoản nợ theo quy định. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng theo quy định của pháp luật và quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 37, 51, 55, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Tường D và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Y, sinh ngày 15/01/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh D và chị H cùng thống nhất không yêu cầu nên Tòa không xét.

4. Về nợ chung: Buộc vợ chồng anh D, chị H trả cho bà H 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), trả cho chị Ng 25.000.000đồng(hai mươi lăm triệu đồng), trả cho chị Th 100.000.000đồng(một trăm triệu đồng). Mỗi bên trả ½ của tổng số nợ trên.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào 300.000đồng(ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số 0003989 ngày 03/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh D, chị H nộp 4.125.000 đồng(bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003966 ngày 19/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn

Hoàn trả cho chị Ngô Thị Ng 717.500đồng(bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo biên lai thu số 0003971 ngày 20/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Th 2.500.000đồng(hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0003989 ngày 03/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bên đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt được tính từ ngày được tống đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDHoài Nhơn;
- UBND TTT Q;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THANH VƯƠNG